

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /10/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình vệ sinh bể đập bụi lò hơi.
- Nguồn số 04: Nước thải từ xưởng giặt.
- Nguồn số 05: Nước thải từ hệ thống xử lý bụi, máy sấy.
- Nguồn số 06: Nước thải từ hoạt động vệ sinh hệ thống xử lý nước cấp.
- Nguồn số 07: Nước thải từ hoạt động vệ sinh rửa lọc của hệ thống xử lý nước thải.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh Trung Linh phía Bắc cơ sở, tại thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

2.2. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải ra kênh Trung Linh phía Bắc cơ sở.

2.3. Vị trí xả nước thải

- Toàn bộ nước thải sau khi xử lý qua 02 hệ thống xử lý nước thải tổng công suất thiết kế 490 m³/ngày.đêm được dẫn vào hố ga thu gom trước khi dẫn chảy ra kênh Trung Linh phía Bắc cơ sở qua 01 cửa xả.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2245321; Y(m) = 0586754 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 490 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01, nguồn số 02) và nước thải từ quá trình vệ sinh bể đập bụi lò hơi (nguồn số 03) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế 160 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sản xuất (nguồn số 04, nguồn số 05, nguồn số 06, nguồn số 07) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất thiết kế 330 m³/ngày.đêm. Nước thải sau khi xử lý qua 02 hệ thống xử lý nước thải được dẫn chảy vào bể trung gian, sau đó bơm theo đường ống Φ200 về hệ thống bồn lọc thô,

bồn lọc tinh và bể khử trùng. Toàn bộ nước thải của 02 hệ thống xử lý sau khi xử lý đạt quy chuẩn cho phép được dẫn chảy về hồ ga thu gom tập trung và dẫn chảy qua 01 cửa xả vào kênh Trung Linh phía Bắc của cơ sở theo phương thức bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với giá trị tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ (Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$; đối với các thông số: pH, Coliform thì $C_{max} = C$), cụ thể như sau:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột A)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			C	C_{max}		
1	pH	-	6 - 9	6 - 9	06 tháng /lần (02 lần /năm) theo đề xuất và cam kết của Công ty	Không thuộc đối tượng
2	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40	40		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	49,5		
4	Độ màu	Pt-Co	50	50		
5	COD	mg/l	75	74,25		
6	BOD ₅ (20 $^{\circ}\text{C}$)	mg/l	30	29,7		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,0	4,95		
8	Sunfua	mg/l	0,2	0,198		
9	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4,0	3,96		
10	Tổng Nito	mg/l	20	19,8		
11	Clo dư	mg/l	1,0	0,99		
12	Đồng	mg/l	2,0	1,98		
13	Sắt	mg/l	1,0	0,99		
14	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,0495		
15	Crom (III)	mg/l	0,2	0,198		
16	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	1,0	4,95		
17	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	0,07	0,0693		
18	Tổng Xyanua	mg/l	0,07	0,0693		
19	Coliform	VK/100ml	3.000	3.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống $\Phi 110$ về bể tự hoại để xử lý sơ bộ. Sau đó cùng với nước thoát sàn nhà vệ sinh, nước rửa tay theo đường ống $\Phi 200$ về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế $160 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn số 02: Nước thải khu vực nhà ăn sau khi được tách mỡ sẽ chảy theo đường ống $\Phi 200$ về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế $160 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình vệ sinh bề mặt bụi lò hơi được thu gom theo đường ống $\Phi 110$ về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế $160 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn số 04: Nước thải từ xưởng giặt được thu gom theo đường cống hộp B300 trong nhà xưởng chảy về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất thiết kế $330 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn số 05, nguồn số 06: Nước thải từ hệ thống xử lý bụi máy sấy, hoạt động vệ sinh hệ thống xử lý nước cấp được thu gom theo đường ống $\Phi 110$ về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất thiết kế $330 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn số 07: Nước thải từ hoạt động vệ sinh rửa lọc của hệ thống xử lý nước thải được thu gom theo đường ống $\Phi 110$ về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất thiết kế $330 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý qua 02 hệ thống xử lý nước thải được dẫn chảy vào bể trung gian, sau đó bơm theo đường ống $\Phi 200$ về bồn lọc thô, bồn lọc tinh và bể khử trùng để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (A) sau đó dẫn chảy qua 01 cửa xả vào kênh Trung Linh phía Bắc của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ

+ Hệ thống bể tự hoại 03 ngăn: Công ty đã đầu tư xây dựng 16 bể tự hoại 03 ngăn được bố trí tại các xưởng may để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh.

+ Bể tách dầu mỡ khu nhà ăn với thể tích $22,5 \text{ m}^3$.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế $160 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$: Nước thải sinh hoạt \rightarrow Bể gom \rightarrow Bể điều hòa \rightarrow Bể thiếu khí bậc 1 \rightarrow Bể hiếu khí bậc 1 \rightarrow Bể thiếu khí bậc 2 \rightarrow Bể hiếu khí bậc 2 \rightarrow Bể lắng sinh học.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất thiết kế $330 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$: Nước thải sản xuất \rightarrow Bể gom \rightarrow Bể điều hòa \rightarrow Bể phản ứng \rightarrow Bể lắng hóa lý.

- Hệ thống xử lý chung: Nước thải từ bể lắng sinh học của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất thiết kế $160 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ và nước thải từ bể lắng hóa lý của hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất thiết kế $330 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

→ Bể trung gian → Bồn lọc thô → Bồn lọc tinh → Bể khử trùng → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) → Hồ ga → Kênh Trung Linh phía Bắc cơ sở.

- Công suất thiết kế: 490 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: PAC (dạng bột) khoảng 5.060 kg/năm, Polime khoảng 85 kg/năm, Cloramin B khoảng 85 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải; có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ thiết bị, máy móc.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước thải, đầu tư trang thiết bị dự phòng, vật tư thay thế để kịp thời ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, chủ cơ sở dừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để kiểm tra từng công đoạn và xử lý sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi thải ra kênh Trung Linh phía Bắc cơ sở.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (dự kiến từ Quý IV/2024 đến Quý I/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 160 m³/ngày.đêm.

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 330 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 03 mẫu, trong đó:

- 01 mẫu tại bể gom nước thải sinh hoạt trước khi vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 160 m³/ngày.đêm.

- 01 mẫu tại bể gom nước thải sản xuất trước khi vào hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 330 m³/ngày.đêm.

- 01 mẫu tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 490 m³/ngày.đêm trước khi thải ra ngoài môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3. phần A Phụ lục này

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Ít nhất 01 ngày/lần (01 mẫu đầu vào tại bể gom nước thải sinh hoạt, 01 mẫu đầu vào tại bể gom nước thải xưởng giặt và ít nhất 01 mẫu đầu ra tại hồ ga chung

sau 02 hệ thống xử lý trước khi thải vào kênh Trung Linh phía Bắc của cơ sở) trong 03 ngày liên tiếp (quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ cơ sở phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Xuân Trường trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3. phần A Phụ lục này. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: Công ty đầu tư hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp mới tiếp tục xả nước thải vào kênh Trung Linh phía Bắc cơ sở đồng thời thực hiện quan trắc giám sát môi trường đối với nước thải theo như nội dung cam kết.

3.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

3.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này phải thực hiện theo Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết./.